

Số: 1395 /QĐ-TTKN-CNKN

Hà Nội, ngày 08 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
V/v cấp Giấy chứng nhận sản phẩm sản xuất trong nước
phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN**

Căn cứ Quyết định số 246/QĐ-BNNMT ngày 01/03/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục thủy sản và Kiểm ngư;

Căn cứ Quyết định số 215/QĐ-TS-VP ngày 01/7/2024 của Cục trưởng Cục Thủy sản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản;

Căn cứ văn bản số 1078/TĐC-HCHQ ngày 29/3/2024 của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và văn bản số 356/GCN-BKHCN ngày 06/9/2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ về chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận của Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản;

*Xét báo cáo ngày 20/3/2025 của Đoàn đánh giá và kết quả thẩm xét hồ sơ chứng nhận;
Theo đề nghị của Trưởng phòng Chứng nhận và Quản lý kiểm nghiệm.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm sản xuất trong nước phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT cho 10 sản phẩm; QCVN 02-32-1:2019/BNNPTNT cho 21 sản phẩm; QCVN 02-32-2:2020/BNNPTNT cho 03 sản phẩm; QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT và QCVN 02-32-1:2019/BNNPTNT cho 02 sản phẩm của Công ty TNHH Hóa Chất Thành Thịnh, địa chỉ: Khu Đô Thị Lakeview City, Số 1- 3, Đường số 17, phường An Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Giấy chứng nhận và kết quả thử nghiệm của sản phẩm nêu trên kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký, thời hạn chứng nhận của sản phẩm được quy định cụ thể tại Giấy chứng nhận. Trong thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận Công ty TNHH Hóa Chất Thành Thịnh được phép sử dụng Giấy chứng nhận, dấu hợp quy (CR) theo hướng dẫn tại Website của Trung tâm.

Điều 3. Trưởng phòng Chứng nhận và Quản lý kiểm nghiệm; Trưởng phòng Quản lý dịch vụ và Khách hàng; Công ty TNHH Hóa Chất Thành Thịnh, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở NN&MT TP Hồ Chí Minh;
- Giám đốc Trung tâm (b/c);
- Trung tâm Vùng II;
- Văn phòng TT (BBT Website);
- Lưu: VT, CNKN.



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Văn Yên

DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM CHỨNG NHẬN HỢP QUY
 (Kèm theo Quyết định số 1395/QĐ-TTCT ngày 08 tháng 4 năm 2025
 của Giám đốc Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm định thủy sản)

STT	Tên sản phẩm	Địa điểm sản xuất	Mã số hợp quy	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia phù hợp
I	Thức ăn bổ sung: 10 sản phẩm			
1.	Vita®C	Tổ 5, ấp Tân Cang, phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	HQ.05.0.23.00723-01	QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT
2.	Vita®T		HQ.05.0.23.00723-02	
3.	Garlicin		HQ.05.0.23.00723-03	
4.	Aqua®G		HQ.05.0.23.00723-04	
5.	ZYME®T		HQ.05.0.23.00723-05	
6.	Bitol®		HQ.05.0.23.00723-06	
7.	Glucan®		HQ.05.0.23.00723-07	
8.	PoseiPro		HQ.25.01516-1	
9.	Herba-T		HQ.25.01516-2	
10.	Herba Pro		HQ.25.01516-3	
II	Hóa chất, chế phẩm sinh học xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản: 21 sản phẩm			
11.	Bicar®F	Tổ 5, ấp Tân Cang, phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	HQ.05.0.23.00724-01	QCVN 02-32-1:2019/BNNPTNT
12.	Alkaline®T		HQ.05.0.23.00724-03	
13.	Copper®25		HQ.05.0.23.00724-04	

STT	Tên sản phẩm	Địa điểm sản xuất	Mã số hợp quy	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia phù hợp
14.	Edta-4Na®T	Tổ 5, ấp Tân Cang, phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	HQ.05.0.23.00724-05	QCVN 02-32-1:2019/BNNPTNT
15.	Eta-4Na™K		HQ.05.0.23.00724-06	
16.	Eta®99		HQ.05.0.23.00724-07	
17.	Eta®99T		HQ.05.0.23.00724-08	
18.	KRM@K45T		HQ.05.0.23.00724-09	
19.	Pac®T30		HQ.05.0.23.00724-10	
20.	Percar®12		HQ.05.0.23.00724-11	
21.	Rogen™ T50		HQ.05.0.23.00724-12	
22.	Thio®99		HQ.05.0.23.00724-13	
23.	Vikram®T		HQ.05.0.23.00724-14	
24.	Besfloc®A		HQ.05.0.23.00724-15	
25.	Yucca®T30PW		HQ.05.0.23.00724-16	
26.	Yucca®T30LQ		HQ.05.0.23.00724-17	
27.	Biome®		HQ.05.0.23.00724-18	
28.	Biotat®		HQ.05.0.23.00724-19	
29.	Biotim®		HQ.05.0.23.01162	
30.	Furic		HQ.25.01517-1	
31.	Loric		HQ.25.01517-2	

STT	Tên sản phẩm	Địa điểm sản xuất	Mã số hợp quy	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia phù hợp
III	Hỗn hợp khoáng (premix khoáng): 03 sản phẩm			
32.	CANMIX	Tổ 5, ấp Tân Cang, phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	HQ.05.0.22.02009-1	QCVN 02-32-2:2020/BNNPTNT
33.	SODA MAX		HQ.05.0.22.02009-2	
34.	PREMIX T		HQ.05.0.22.02009-3	
IV	Thức ăn bổ sung, chế phẩm sinh học xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản: 02 sản phẩm			
35.	EM BACILLUS®	Tổ 5, ấp Tân Cang, phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	HQ.05.0.23.00722-01	QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT
36.	Yucca 99		HQ.05.0.23.00722-02	QCVN 02-32-1:2019/BNNPTNT